

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 04/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Bá Chương

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc N – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 522/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 572/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Huỳnh Phi S (tên gọi khác H), sinh năm: 1973, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 0079073001546; Thường trú: 4 Đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 1A, Đường E, khu phố H, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Á (đã chết) và con bà: Huỳnh Thị N1 (đã chết); Có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án: có 01 tiền án theo Bản án số 416/HSST ngày 12/03/1999 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa nộp phạt số tiền 20.000.000 đồng và chưa nộp án phí số tiền 50.000 đồng; Tiền sự: không; Nhân thân: Theo Bản án số 119/HSST ngày 01/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội: “Cướp giật tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù và đã đóng án phí; Theo Bản án số 06/HSST ngày 14/01/1998 của Tòa án nhân dân huyện Thuận An (nay là thành phố T) tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”, đã chấp hành xong hình phạt tù và đã đóng án phí đầy đủ; Ngày 29/7/1997 bị Công an quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân. Tra cứu tại Cơ quan CSĐT Công an quận A, kết quả không có thông tin hồ sơ; Ngày 08/7/1989 Công an quận B bắt về hành vi Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân. Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố

Hồ Chí Minh ra Quyết định đình chỉ điều tra số 119/KSĐT ngày 16/8/1989. Bị bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 20/6/2023 (có mặt).

2/ Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm: 1994, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước số: 079194008205; Thường trú: 26/19 Đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 1A, Đường E, khu phố H, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Phú Q và con bà: Nguyễn Thị Á; Chồng đã ly hôn, có 05 người con, nhỏ nhất năm 2020; Tiền án, Tiền sự: không; *Nhân thân*: Theo Bản án số 122/2023/HSST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Không tố giác tội phạm*”; Bị bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 20/6/2023 (có mặt).

3/ Nguyễn Công M, sinh năm: 1997, tại tỉnh Phú Yên; Căn cước số: 054097004765; Thường trú: Thôn N, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: C Ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc P và con bà: Dương Thị Ngọc D; Tiền án, Tiền sự: không; Bị bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 20/6/2023 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Văn H1, sinh năm 1956

Địa chỉ: D P, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

- Ông Đinh Bá Thế H2, sinh năm 1968

Địa chỉ: F Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

- Bà Lê Trịnh Kim T, sinh năm 2006

Địa chỉ: 7 C, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Tấn H3, sinh năm 2000

Địa chỉ: 5 đường D, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

- Ông Trần Ngọc D1, sinh năm 1977

Địa chỉ: D Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 13 giờ 00 phút ngày 20/06/2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy phối hợp Công an phường H, thành phố T đi tuần tra theo kế hoạch, khi đến trước nhà số B đường H, phường H, thành phố T thì phát hiện bắt quả tang Nguyễn Công M cất giấu 01 gói nylon chứa ma túy “đá”. M khai nhận ma túy “đá” bị thu giữ là M mua của Nguyễn Thị Ánh L tại nhà địa chỉ số A, Đường E, khu phố H, phường H, thành phố T để sử dụng.

Căn cứ vào lời khai của M, vào lúc 13 giờ 20 phút cùng ngày, Công an thành phố T kiểm tra hành chính nhà số A, Đường E, phường H, thành phố T. Tại thời điểm kiểm tra, phát hiện Huỳnh Phi S đang đứng trước nhà, có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, thu giữ trong túi quần trước bên phải của S đang mặc có

một vỏ thuốc lá hiệu Jet đựng 05 gói nylon chứa ma túy. S khai nhận vừa đi mua Heroine về để bán cho các đối tượng nghiện ma túy thu tiền lời. Khi kiểm tra, trong nhà tại phòng khách có mặt Nguyễn Thị Ánh L (là vợ của S) và Nguyễn Tấn H3, sinh năm 2000 (bạn của L). L khai nhận, S còn cất giấu ma túy “đá” trên tầng một. Qua kiểm tra, phát hiện trên nệm có 01 hộp giấy màu trắng đựng 02 gói nylon chứa ma túy “đá”. Đồng thời, thu giữ trên sàn nhà tại phòng ngủ trên tầng một 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy “đá”. Thời điểm kiểm tra nhà S có mặt Lê Trịnh Kim T, sinh năm 2006, và Trần Ngọc D1, sinh năm 1977 cả 02 người đều dương tính với chất ma túy.

Quá trình điều tra xác định, căn nhà số A, Đường E, H, thành phố T là của Huỳnh Phi S thuê để ở cùng con và vợ là Nguyễn Thị Ánh L (không đăng ký kết hôn, có một con chung) được khoảng một tháng trước khi bị bắt. Bản thân S sử dụng ma túy Heroine và ma túy “đá”, do kinh tế khó khăn nên S nảy sinh ý định mua ma túy về bán thu tiền lời. Việc liên hệ mua ma túy và phân nhỏ ma túy thì một mình S thực hiện, khách có nhu cầu mua ma túy thì gọi điện thoại cho S số 0901336747 hoặc đến nhà gặp trực tiếp S để mua. Tuy nhiên, Huỳnh Phi S mới bắt đầu bán ma túy nên chưa có khách liên hệ mua ma túy, S chỉ bán ma túy “đá” được cho Nguyễn Công M và Lê Trịnh Kim T, cụ thể: S bán ma túy “đá” cho Nguyễn Công M được 02 lần, giá mỗi một gói 200.000 đồng tại nhà số D X, Phường B, quận B vào ngày 17/01/2023 và ngày 05/02/2023, thu lợi được 400.000 đồng; S bán ma túy cho Lê Trịnh Kim T 02 lần, giá mỗi một gói 200.000 đồng tại nhà số A, Đường E, phường H, thành phố T vào ngày 12/6/2023 và ngày 17/6/2023, thu lợi được 400.000 đồng. S khai nhận, nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, Huỳnh Phi S được bạn quen biết ngoài xã hội giới thiệu cho số điện thoại của người đàn ông tên Hoàng bán ma túy, S lưu danh bạ điện thoại số 0901705516 tên “Hoàng Diông”. S đã mua ma túy của H4 được 03 (ba) lần, cụ thể:

- *Lần thứ nhất*: Vào khoảng một tháng trước khi bị bắt, S liên hệ H4 mua “một chỉ Heroine” với giá 2.300.000 đồng để về sử dụng.

- *Lần thứ hai*: Vào ngày 12/6/2023, S mua 2.000.000 đồng ma túy “đá” về phân nhỏ để bán cho khách, nhưng S chỉ mới bán được cho T 02 lần, số ma túy còn lại S để sử dụng và tìm khách để bán. Đến ngày 20/6/2023 thì còn 03 gói ma túy “đá”, L đã bán một gói ma túy “đá” cho Nguyễn Công M, còn 02 gói ma túy “đá” Công an thu giữ.

- *Lần thứ ba*: Ngày 20/6/2023 S một mình đi mua “5 chỉ heroine” với giá 11.500.000 đồng nhằm mục đích bán thêm ma túy loại Heroine cho khách, nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang.

Đối với Nguyễn Thị Ánh L, khi Huỳnh Phi S không có ở nhà, L đã lấy ma túy của S bán cho Nguyễn Tấn H3 và Nguyễn Công M, cụ thể: Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 20/06/2023 Nguyễn Thị Ánh L đang ở nhà số A, Đường E, phường H, thành phố T thì Nguyễn Tấn H3 đến chơi phụ làm việc nhà. Lúc này, L và H3 đang

ở phòng ngủ tầng một thì L lấy một ít ma túy “đá” trong gói nylon được cất trong hộp giấy màu trắng bỏ vào bình hút ma túy “đá” để sử dụng. L hút một hơi ma túy “đá” rồi nói H3 sử dụng cùng, H3 đồng ý. Khi cả hai đang sử dụng ma túy thì Nguyễn Công M đến gặp L hỏi mua 200.000 đồng ma túy “đá”. M đứng tại đoạn giữa cầu thang dẫn lên tầng một chờ L, L vào phòng ngủ lấy một gói ma túy “đá” trong hộp giấy màu trắng bán cho M và nhận của M tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. Ngày 15/6/2023 Nguyễn Tấn H3 đến nhà chơi và nhờ L mua ma túy “đá” giúp, lúc này L nghĩ đến ma túy “đá” Sơn cất để bán cho đối tượng nghiện, nên L đã lấy một gói ma túy “đá” bán cho H3 với giá 200.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 18/6/2023, Nguyễn Tấn H3 đến nhà L chơi và phụ làm việc nhà, L lấy ma túy “đá” của S bỏ vào bình hút ma túy “đá” để sử dụng và L rủ H3 sử dụng ma túy cùng, H3 đồng ý nên cả 02 người cùng sử dụng chung ma túy.

Quá trình điều tra, các bị can Huỳnh Phi S, Nguyễn Thị Ánh L và Nguyễn Công M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận giám định số 6747/KL-KTHS ngày 26/6/2023 của Phòng K Công an T1: 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Công M và hình dấu công an P.H, TP .. Bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2925g (không phẩy hai chín hai năm gam), loại Methamphetamine. Khối lượng còn lại sau khi đã phục vụ giám định là 0,1943g.

Kết luận giám định số 6748/KL-KTHS ngày 26/6/2023 của Phòng K Công an T1: 01 (một) gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Huỳnh Phi S, hình dấu công an phường H, thành phố T. Bên trong có:

- 05 gói nylon chứa chất bột màu trắng, có tổng khối lượng 18,6264g, loại Heroine. Khối lượng còn lại sau khi đã phục vụ giám định là 17,8192g.

- 02 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 4,1832g, loại Methamphetamine. Khối lượng còn lại sau khi đã phục vụ giám định là 3,5587g.

Vật chứng của vụ án:

- 01 gói nylon chứa ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2925g. Được niêm phong thành 01 (một) gói 1379/23 (6747), bên ngoài gói niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Công M và hình dấu Công an phường H, thành phố T; chữ ký giám định viên Võ La Bảo Y; chữ ký cán bộ Lâm Văn O. Bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định là vật chứng vụ án;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung của bị can Nguyễn Công M;

- 01 (một) xe mô tô BKS: 54R3-0063, có số khung: RMKWCH4UM6K431220, số máy: VKV1P52FMHR431220. Qua xác minh được biết xe trên là của ông Phan Văn H1 (sinh năm 1956) đăng ký chủ sở hữu vào năm 2009. Ông H1 đã bán xe trên cho 01 người không rõ họ, tên và cũng không làm giấy tờ sang tên. Nguyễn Công M khai nhận xe mô tô BKS: 54R3-0063 là xe do dùng tiền cá nhân mua lại với giá 3.000.000 đồng của người môi giới bán xe (không

rõ họ tên, địa chỉ) ở thành phố B, tỉnh Đồng Nai để làm phương tiện đi làm vào năm 2020, không làm giấy tờ mua bán xe, hiện nay xe đã mất giấy tờ;

- 05 gói nylon chứa ma túy loại Heroine, có tổng khối lượng 18,6264g. Được niêm phong thành 01 gói 1380/23 G1 (6748), bên ngoài gói niêm phong có chữ ký ghi tên Huỳnh Phi S và hình dấu Công an phường H, thành phố T; chữ ký giám định viên Võ La Bảo Y; chữ ký cán bộ Lâm Văn O. Bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định là vật chứng vụ án;

- 02 gói nylon chứa ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 4,1832g. Được niêm phong thành 01 gói 1380/23 G2 (6748), bên ngoài gói niêm phong có chữ ký ghi tên Huỳnh Phi S và hình dấu Công an phường H, TP .; chữ ký giám định viên Võ La Bảo Y; chữ ký cán bộ Lâm Văn O. Bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định là vật chứng vụ án;

- 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet và 01 hộp giấy màu trắng;

- 01 cân điện tử màu đỏ trắng có in chữ M1 dùng để cân ma túy;

- 20 gói nylon rỗng; 01 đoạn ống hút nhựa được cắt nhọn một đầu;

- 01 bình nhựa có nắp được đục 02 lỗ tròn, một lỗ gắn ống hút nhựa, một lỗ gắn một ống thủy tinh có đầu hình phễu;

- 01 ĐTDĐ hiệu Oppo của Huỳnh Phi S;

- 01 xe mô tô hiệu Honda PCX có BKS: 59S1-193.63, có số khung: RLHJF3000BY020824, số máy: JF28E2124342. Qua xác minh, được biết xe mô tô trên là xe do ông Đinh Bá Thế H2, sinh năm 1968, đăng ký chủ sở hữu vào năm 2011. Sau thời gian sử dụng, ông H2 đã bán xe trên cho ông Huỳnh Phi S nhà tại Phường B, quận B nhưng không làm giấy tờ mua bán xe;

- 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu xanh dương của bị can Nguyễn Thị Ánh L.

Cáo trạng số 489/CT-VKS ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức đã truy tố:

- Bị cáo Huỳnh Phi S về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, p, q khoản 2, Điều 251 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ánh L về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2, Điều 251 và “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Nguyễn Công M về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố; Các bị cáo thành khẩn khai báo và bày tỏ thái độ ăn năn hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo đồng thời đề nghị:

Áp dụng điểm b, p, q khoản 2, Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị Huỳnh Phi S từ 10 năm đến 11 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm a khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh L từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Đề nghị tổng hợp hình phạt theo quy định.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Công M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Đề nghị xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy và vật dụng không còn giá trị sử dụng; Tịch thu điện thoại di động và xe mô tô của các bị cáo S và M; Trả lại điện thoại di động cho bị cáo L và đề nghị xử lý án phí theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận về hành vi phạm tội, lời sau cùng bị cáo biết hành vi của mình là sai, có hại cho xã hội, xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/01/2023 đến ngày 20/6/2023 Huỳnh Phi S và Nguyễn Thị Ánh L đã thuê nhà tại số D X, phường B, quận B và nhà số A, Đường E, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh để mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Nguyễn Công M đã tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị bắt quả tang. Cụ thể:

Đối với Huỳnh Phi S 03 lần mua ma túy của người đàn ông tên H4 (không rõ lai lịch) phân nhỏ để bán kiếm lời, cụ thể: Vào ngày 17/01/2023 và 05/02/2023, S đã bán 02 lần ma túy cho Nguyễn Công M thu được số tiền 400.000 đồng; Vào ngày 12/6/2023 và ngày 17/6/2023, S đã bán 02 lần ma túy “đá” cho Lê Trịnh Kim T thu được số tiền 400.000 đồng, tổng số tiền mà S thu được từ việc mua bán ma túy là 800.000 đồng. Khối lượng ma túy S tàng trữ để bán là Heroine, có khối lượng 18,6264g; Methamphetamine, khối lượng 4,4757g, tổng khối lượng của 02 chất ma túy là 23,1021g. Ngoài ra, bị cáo Huỳnh Phi S đã từng bị xét xử theo Bản án số 416/HSST ngày 12/03/1999 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử 10 năm về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo đã chấp hành án xong hình

phạt tù nhưng chưa nộp phạt số tiền 20.000.000 đồng, chưa đóng án phí số tiền 50.000 đồng theo Quyết định Thi hành án của Thi hành án quận B. Bị cáo tiếp tục bị Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử 04 năm tù về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo Bản án số 119/HSST ngày 01/9/2010 nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, bị cáo đã phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, p, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với Nguyễn Thị Ánh L chung sống cùng Huỳnh Phi S, L biết S bán ma túy kiếm lời nên đã chủ động giúp S trong lúc S không có nhà: Vào ngày 20/06/2023, L đã bán 01 gói ma túy “đá” cho Nguyễn Công M thu được số tiền 200.000 đồng; Ngày 15/6/2023, bán cho Nguyễn Tấn H3 01 gói ma túy đá thu được số tiền 200.000 đồng. Tổng số tiền mà L thu được từ việc mua bán ma túy là 400.000 đồng nên đã phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, L còn tổ chức cho Nguyễn Tấn H3 sử dụng trái phép ma túy 02 lần vào ngày 18/6/2023 và 20/6/2023 nên đã phạm vào tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*” là tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với Nguyễn Công M có nhu cầu sử dụng ma túy nên mua của Nguyễn Thị Ánh L loại Methamphetamine, khối lượng 0,2925g để sử dụng thì bị bắt quả tang nên đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm bởi ma túy có thể gây tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội, làm tăng tệ nạn nghiện ma túy và nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm nguy hiểm khác. Nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng vẫn bất chấp hậu quả xảy ra, cố ý phạm tội thể hiện sự liều lĩnh và xem thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước nên cần xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa. Đồng thời cần phạt bổ sung bị cáo S và L một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

Đối với việc L sử dụng ma túy của S và tự ý lấy ma túy của S tổ chức cho Nguyễn Tấn H3 sử dụng 02 lần vào các ngày 18/6/2023 và ngày 20/6/2023. S không ở nhà nên không biết, không thừa nhận cho các đối tượng sử dụng chung ma túy nên không có cơ sở xử lý S về hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Đối với một người tên H4 (không rõ nhân thân, lai lịch) bán ma túy cho S, Cơ quan điều tra chưa xác minh được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau;

Đối với Trần Ngọc D1, Lê Trịnh Kim T, Nguyễn Tấn H3, qua xét nghiệm dương tính với chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã giao cho Công an phường H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng cần cân nhắc về nhân thân bị cáo S đã nhiều lần bị xét xử về các hành vi liên quan đến ma túy và chiếm đoạt tài sản, bị cáo L vừa bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Không tố giác tội phạm*” theo Bản án số 122/2023/HSST ngày 22/8/2023. Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội qua đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt thật nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình tố tụng, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo L có 05 con, con nhỏ sinh năm 2020, bị cáo chung sống như vợ chồng với Huỳnh Phi S và cùng bị bắt giữ trong vụ án này nên thuộc trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy, cần giảm cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy còn lại sau khi giám định và vật chứng còn lại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước đối với các tài sản là điện thoại di động và xe mô tô của bị cáo S có liên quan đến hành vi phạm tội.

- Cho đăng tải phương tiện thông tin đại chúng đối với 01 xe mô tô của Nguyễn Công M không rõ nguồn gốc sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo L và M điện thoại di động không liên quan đến hành vi phạm tội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1- Căn cứ điểm b, p, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Phi S phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Phi S: 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2023.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

2- Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điểm a khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ánh L phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh L: 08 (tám) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2023/HSST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2023.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

3- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công M phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Công M: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2023.

3- Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1379/23 (6747) có chữ ký ghi tên Nguyễn Công M. Hình dấu Công an phường H, thành phố T; chữ ký giám định viên Võ La Bảo Y, chữ ký của cán bộ Lâm Văn O, bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định; 02 (hai) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1380/23 G1 (6748) và vụ số 1380/23 G2 (6748) có chữ ký ghi tên Huỳnh Phi S. Hình dấu Công an phường H, thành phố T; chữ ký giám định viên Võ La Bảo Y, chữ ký của cán bộ Lâm Văn O, bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định; 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet và 01 hộp giấy màu trắng; 20 gói nylon rỗng; 01 đoạn ống hút nhựa được cắt nhọn một đầu; 01 bình nhựa có nắp được đục 02 lỗ tròn, một lỗ gắn ống hút nhựa, một lỗ gắn một ống thủy tinh có đầu hình phễu và 01 cân điện tử màu đỏ trắng có in chữ Manlloro;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo thu giữ của Huỳnh Phi S; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda PCX biển số 59S1-193.63, có số khung RLHJF3000BY020824, số máy JF28E2124342.

- Giao cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, cho đăng tải thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp chiếc xe mô tô biển số 54R3-0063, có số khung RMKWCH4UM6K431220, số máy: VKV1P52FMHR431220. Hết thời hạn nêu trên, nếu không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì tịch thu xe sung quỹ nhà nước.

- Trả lại 01 (một) điện thoại hiệu Samsung cho bị cáo Nguyễn Công M; Trả lại 01 (một) điện thoại hiệu Samsung cho bị cáo Nguyễn Thị Ánh L;

(Theo phiếu nhập kho số NK24/062C ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

4- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;

TOÀ

- Sở Tư pháp TP . HCM;

- VKSND Tp . Hồ Chí Minh;

- VKSND thành phố Thủ Đức;

- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thủ Đức;

- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thủ Đức;

- Cơ quan THA.HS Công an thành phố Thủ Đức;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN**

- Chi cục THA.DS thành phố Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VT. **Đinh Khắc Hưng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

THẨM PHÁN

